

**Nhân đọc cuốn « Hà Văn Lâu,
người đi từ bến làng Sinh »**
của Trần Công Tấn, nxb Phụ Nữ, 2004,
599 trang, khổ 13x19cm,
(*Bài điểm sách của Bùi Trọng Liễu viết ngày 9/11/2004*)

Cuốn sách này, do tác giả Trần Công Tấn thực hiện, kể lại cuộc đời của nhà quân sự /nhà ngoại giao Hà Văn Lâu, mà nhiều người, trong đó có bà con Việt kiều, biết tiếng – có lẽ biết tương đối ít (điều đáng tiếc!) về cuộc đời binh nghiệp của ông, biết nhiều hơn về công tác ngoại giao của ông.

Đọc những sách loại này, hồi ức, tự sự, hay *tiểu sử do người khác viết*, tôi thường không chú ý đến cách hành văn (viết hay thì càng tốt, viết dở thì tạm không nói đến), và tập trung vào sự nghiệp của đương sự, nhất là khi cuộc đời và hành động của nhân vật gắn liền với nhiều giai đoạn lịch sử của nước nhà.

Lướt qua thời niên thiếu : Hà Văn Lâu sinh ra ở làng Sinh, nơi ngã ba một bến sông Hương, cách Huế không xa, mồ côi cha (một nhà giáo tiểu học nơi quê) khi bảy tuổi, mẹ và bà ngoại cố gắng nuôi cho ăn học. Đỗ được bằng thành chung, nhưng học đến tú tài 1, thì gia cảnh không cho phép tiếp tục, phải thi vào ngạch thư ký Tòa sứ. Rồi ý muốn du học ở Pháp thúc đẩy ông xin vào học một trường quân sự của Pháp ở Đông Dương , và sau 6 tháng, tốt nghiệp với cái bằng hạ sĩ quan trừ bị ; đó là vào năm 1942. Nhưng rồi Pháp giải tán các trường đào tạo huấn luyện và đình chỉ tăng quân, ông trở về nghề cũ ; cưới vợ (Diệu Hương, nữ sinh trường Đồng Khánh). Rồi lại vì gia cảnh, ông phải thi vào ngành thương chánh, và được bổ nhiệm trông coi một đồng muối ở phủ Ninh Hòa tỉnh Khánh Hòa vào năm 1943. Chính ở nơi đây, năm 1944, mà ông gia nhập mặt trận Việt Minh. Cách Mạng Tháng tám thành công, và vì ông đã có kinh nghiệm huấn luyện tự vệ thời tiền Khởi nghĩa, ông được trao nhiệm vụ ủy viên quân sự Nha Trang, hiệu trưởng trường huấn luyện quân sự Đồng Đế. Đời binh nghiệp của ông bắt đầu từ đây. Pháp trở lại chiếm Nam Bộ rồi Nam Trung Bộ, lúc đó mới vào cuối tháng 10/1945, ông là chỉ huy phó kiêm tham mưu trưởng mặt trận Nha Trang. Sau khi Hiệp định Sơ bộ 6/3/1945 được ký, ông được cử làm Trưởng phái đoàn sĩ quan liên lạc của Việt Nam ở Khánh Hòa-Nha Trang, nhưng rồi chỉ sau 7 tuần lễ đình chiến thì phía Pháp đã khởi hấn tấn công lấn chiếm, bộ đội rút ra Phú Yên, rồi sau đó tổ chức lại quân chủ lực của ba tỉnh Khánh Hòa, Phan Thiết, Ninh Thuận thành một đại đoàn do ông Cao Văn Khánh làm Đại đoàn trưởng và ông Hà Văn Lâu làm Đại đoàn phó. Chiến đấu ở vùng này đến đầu tháng 12/1946, ông được triệu về Huế làm Trung đoàn trưởng trung đoàn Trần Cao Vân và chỉ huy trưởng mặt trận Huế. Ông chỉ huy nơi đây khi Kháng chiến toàn quốc bùng nổ ; sau gần hai tháng vây hãm và giữ chân quân Pháp ở Huế, mặt trận Huế bị vỡ, bộ đội rút ra cầm cự, tập kích, khi thắng khi bại. Nhưng đoạn sách này có nhắc lại mấy trận công đồn, mà tôi tình cờ đã được nghe kể từ mấy chục năm trước. Đó là nhân chuyện về nước làm việc năm 1970, tôi được ông Pha Lan, một cựu trung úy, người được tổ chức dẫn tôi đi thăm một số nơi, có kể lại cho nghe khi nhắc đến ông Hà Văn Lâu : mấy lần dùng hàng binh người Đức, người Áo giả làm lính commăngđô Pháp đi tuần để đột nhập đồn bốt, rồi bắt thân tiêu diệt địch. Bước vào Thu Đông 1949, khi trên chiến trường chính mở chiến dịch tấn công vào quân đội viễn chinh Pháp ở các tỉnh Hòa Bình, Phú Yên, Bắc Ninh, Bắc Giang, thì mặt trận Bình Trị Thiên mở chiến dịch phối hợp, do ông Hà Văn Lâu làm chỉ huy trưởng, đánh vào các đồn bốt từ Bắc Quảng Trị đến Nam Quảng Bình, và một số vị trí ở Thừa Thiên-Huế, như trận đánh đoàn tàu

ở Như Sơn- Bến Đá. Rồi ông được cử làm đại biểu Bình Trị Thiên lên Việt Bắc báo cáo tình hình. Trong mấy tháng vắng mặt xảy ra một việc buồn cho ông : ông có người chú là Hà Văn Lan, trước làm quan, có nâng đỡ ông lúc còn đi học, thuở ấy nghe kể là bị ép ra làm phó cho thủ hiến Trung kỳ là Phan Văn Giáo. Kháng chiến kết án tử hình Giáo, và trao nhiệm vụ cho một hàng binh da trắng đóng vai một thương nhân nước ngoài đến gặp Phan Văn Giáo để thi hành bản án. Nhưng hôm đó, Giáo đi vắng, để Hà Văn Lan ra tiếp khách thay. Vừa mới gặp chưa kịp chào hỏi, thì người « thương nhân » đã nổ súng giết ngay ông Lan rồi thoát ra ngoài.

1951, sau chiến thắng Thanh Hương, ông Hà Văn Lâu được gọi ra Bắc nhận nhiệm vụ mới : làm Cục trưởng Cục tác chiến ở bộ Tổng tham mưu. Ông tham gia chiến dịch Hòa Bình, rồi chiến dịch Thu Đông 1952, rồi chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954. Vào giai đoạn này, bộ Tổng tham mưu được « tăng cường » : ông Văn Tiến Dũng nhận chức Tổng tham mưu trưởng thay ông Hoàng Văn Thái chuyển làm phó Tổng tham mưu trưởng, ông Trần Văn Quang làm Cục trưởng Cục Tác chiến thay ông Hà Văn Lâu chuyển làm Cục phó, chuyên nghiên cứu đàm phán về mặt quân sự. Rồi ông được cử tham gia Đoàn đàm phán Genève với tư cách là chuyên viên quân sự, (làm phó cho ông Tạ Quang Bửu, thầy học cũ của ông ở Huế). Cuốn sách có nhắc đến một số chi tiết về những phức tạp trong cuộc đàm phán, thí dụ như [Trích trang 404]:

Lúc ghé Bắc Kinh, đoàn Việt Nam chỉ trao đổi tình hình với bạn, do đồng chí Chu Ân Lai chủ trì. Lúc này Trung quốc chưa tỏ ý gì về mục tiêu đàm phán. Nhưng lúc đến Mạc Tư Khoa, khi nhóm quân sự gồm Tạ Quang Bửu và Hà Văn Lâu làm việc với Liên Xô thì Trung tướng Fêdêrenkô đã tìm hiểu các vĩ tuyến từ 18 trở vào. Fêdêrenkô hỏi vĩ tuyến 17, 16 nằm ở đâu. Như vậy là nhóm quân sự đã ngầm hiểu Liên Xô đã suy nghĩ đến việc ngừng bắn theo kiểu phân vùng tập kết quân đội hai bên theo một số vĩ tuyến cho các phương án » [Chú thích : chứ không phải theo kiểu « da báo ». Nói thêm là lúc ấy phía ta lúc ấy muốn đòi vĩ tuyến 13].

[Trích trang 419] :

Từ ngày 3 đến 5 tháng 7 năm 1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi Liễu Châu gặp Thủ tướng Chu Ân Lai. Sau hai ngày bàn bạc, nội dung xoay quanh hai vấn đề giới tuyến quân sự tạm thời và thời hạn tổng tuyển cử. Ý kiến hai bên chưa trùng hợp nhưng Chu Ân Lai đề nghị được linh hoạt vì ở xa, không kịp xin chỉ thị về vấn đề ta đưa ra vĩ tuyến 16 và tổng tuyển cử sau 6 tháng. Chu Ân Lai đề nghị lấy vĩ tuyến 17 làm giới tuyến và tổng tuyển cử vào năm 1956.

(Nhắc lại là về điểm này, cuốn hồi ức *Điện Biên phủ, điểm hẹn lịch sử* của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, viết thẳng hơn :

Cuối cùng, đồng chí [Chu Ân Lai] nói trước đây Plêven khẳng định đòi lấy vĩ tuyến 18 làm ranh giới tạm thời, nhưng trước sự đấu tranh kiên quyết của ta, Măngđét Phrăng và Anh, Mỹ đã đồng ý rút xuống vĩ tuyến 17. Bác và chúng tôi đều ngỡ ngàng. Phải chăm chú tìm trên bản đồ mới thấy dòng sông nhỏ Bến Hải ở phía Bắc tỉnh Quảng Trị. Bác nói với so sánh lực lượng trên thực tế chiến trường hiện nay, ta đề ra vĩ tuyến 13 là hợp lý, vĩ tuyến 17 đối với ta là không thể chấp nhận, chỉ ít cũng phải giành được vĩ tuyến 16. [...].)

Sau Giơnevơ, ông Hà Văn Lâu được trao nhiệm vụ làm Trưởng phái đoàn liên lạc cạnh Ủy ban quốc tế giám sát và kiểm soát việc thi hành Hiệp định, với quân hàm đại tá. Năm 1961-1962, ông tham gia Hội nghị Giơnevơ về Lào, với tư cách là tổng thư ký của phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Rồi sang năm 1968, khi cuộc mở cuộc đàm phán ở Paris, ông được cử làm phó Trưởng Đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, còn gọi là « Đoàn băm bảy [đoàn viên] ». Cuốn sách dành 33 trang (453-486) cho một số chi tiết sự việc trong lúc ông có mặt trong cuộc đàm phán gay go, giằng co, kéo dài lê thê này. Cuốn sách nhắc đến chuyện ông đến gặp G. Marchais, Tổng bí thư

đảng Cộng sản Pháp. Marchais tiếp đón niềm nở, và hứa dành cho đoàn Việt Nam toàn bộ khu nhà Trường cao cấp đảng Cộng sản Pháp ở Choisy le Roi.

[Trích]:

Marchais hỏi : « *Thế các đồng chí Việt Nam định họp trong bao lâu ?* ». Lâu trả lời : « *Đảng chúng tôi chưa định rõ thời gian cụ thể bao lâu, nhưng ít nhất cũng từ vài tuần đến vài tháng* ». Nhưng có ai ngờ được trên thế giới này có cuộc họp nào kéo dài ngót 5 năm như Hội nghị Paris. [Hết phần trích].

Nhưng ông Lâu không ở Hội nghị lâu như thế. Đến đầu 1970 thì ông được điều động trở về nước. Rồi nhận được quyết định chuyển sang ngành ngoại giao làm Trợ lý Bộ trưởng, sau 28 năm trong quân ngũ. Cuốn sách viết (trang 489) [trích]:

Những người lính, người chỉ huy dưới quyền Sáu Lâu ở Mặt trận Nha Trang, Bình Trị Thiên sau này nhiều đồng chí trở thành thiếu tướng, trung tướng, thượng tướng mà Sáu Lâu vẫn mãi mãi là đại tá. Nhiều bạn bè quân ngũ hỏi : « Thân với đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị - là đại tướng Nguyễn Chí Thanh, sao không kêu « đại tá quá lâu », để được cất nhắc lên tướng ». Sáu Lâu cười hiền hỏi lại : « Đại tướng Võ Nguyên Giáp mang quân hàm đó ngót nửa thế kỷ có thấy kêu phong nguyên soái gì đâu. Anh Phạm Văn Đồng làm thủ tướng suốt đời, anh Nguyễn Cơ Thạch 20 năm làm thứ trưởng, 11 năm làm bộ trưởng vẫn chẳng thấy kêu ca gì ». Sáu Lâu kể trong một cuộc nói chuyện với cán bộ sân vận động Cột Cờ, Thủ tướng Phạm Văn Đồng nhắc nhở rằng : « Chúng ta phải đặt quyền lợi của nhân dân và đất nước lên trên hết. Còn quyền lợi riêng của chúng ta hãy để cho tổ chức lo ». Thế đấy, tổ chức của Đảng đặt đâu, ta ngồi đó và chỉ biết làm tròn nhiệm vụ được giao ». [Hết phần trích].

Câu hỏi là như thế, câu trả lời thì như vậy ; tôi không biết ai đọc có thấy được thuyết phục không ?

Sang năm 1974, ông được cử làm đại sứ ở Cuba, rồi hơn ba năm sau, chuyển làm đại sứ cạnh Liên hợp quốc; sau đó từ 1984, ông làm đại sứ ở Pháp trong bốn năm, trước khi trở về nước làm cố vấn ở Bộ Ngoại giao. Cuốn sách viết (trang 571) :

Công việc chính những ngày đó là tổng kết lại cuộc đàm phán với Mỹ ở hội nghị Paris. Chủ yếu là giúp đồng chí Lê Đức Thọ viết hồi ký về giai đoạn lịch sử này. Khi bản thảo hồi ký vừa xong, chưa được anh Thọ xem lại sửa chữa thì anh lâm bệnh nặng, qua đời. Đáng tiếc là cuốn hồi ký đó trở thành tài liệu lưu trữ ở Bộ Ngoại giao mà chưa được ra mắt bạn đọc.

Ông Thọ mất, Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh muốn cử ông Lâu làm trưởng Ban Việt kiều trung ương, mà một thời ông đã làm phó.

« *Sáu Lâu thưa lại với đồng chí Tổng bí thư rằng mình đã già, đã vào tuổi 72, có nguyện vọng xin về hưu để chạy chữa chăm sóc vợ đang ốm nặng* ».

Thế là năm 1991 ông nghỉ hưu, và may mắn bà được khỏi bệnh. Sau một thời trở về sống ở Huế, gần làng Sinh quê cũ, ông bà định cư ở Thành phố Hồ Chí Minh yên sống trong tuổi già (ông 86 bà 82).

Tôi may mắn được quen biết ông trong nhiều năm, gặp gỡ ông nhiều lần trong thời hội nghị Paris và trong nhiệm kỳ ông làm đại sứ ở Pháp, nên tôi không tránh khỏi cảm xúc khi nhận được cuốn sách với mấy dòng ông đề tặng. Vài dòng trích trên đây, tất nhiên không đủ nói về một cuộc đời đầy hy sinh và đóng góp, mà sự hưởng thụ thì chẳng được bao nhiêu ...